

SỞ GD&ĐT
 TRƯỜNG:
 TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11 – KHỐI 11 – BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
(TÍCH HỢP NĂNG LỰC SỐ VÀ GIÁO DỤC AI – THEO QĐ 3439/QĐ-BGDĐT)
(Năm học 2026 - 2027)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; Số học sinh:

Số lớp học cụm chuyên đề học tập lựa chọn bộ môn: 0, Số học sinh học cụm chuyên đề lựa chọn bộ môn (nếu có): 0.

2. Tình hình đội ngũ

- Số giáo viên bộ môn:; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học:; Trên đại học: 0.

- Số giáo viên bộ môn được phân công dạy học lớp 11:

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHH 11	01 bộ		
2	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 - Phiếu phục vụ hoạt động học tập, thu thập thông tin ... tranh biếm họa, thơ, ca,... thể hiện đặc điểm riêng của học sinh. - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHH 11	01 bộ		
3	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy để lập kế hoạch cá nhân. - Sưu tầm thông tin, tư liệu, tấm gương liên quan đến bài học - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHH 11 - Một quả bóng nhỏ hoặc giấy vo tròn - Tình huống 1,2,3,4 SGV trang 76	01 bộ		

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
4	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Video về một số nhân vật thành công trong cuộc sống, nhờ có tính kiên trì, sự chăm chỉ. - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11 - 6 lọ nhựa nhỏ, giấy, tiền lẻ - Video, bài hát, thơ,... chủ đề về gia đình	01 bộ		
5	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Tình huống, câu chuyện gắn với bài học - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11 Bài hát “Nổi vòng tay lớn”, “Khát vọng tuổi trẻ”,... Video về ứng xử văn minh nơi công cộng	01 bộ		
6	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Thơ, tục ngữ về sự nhân văn, tương thân tương ái của con người - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11. - Tranh ảnh, video clip về cảnh đẹp quê hương, đất nước (Khu du lịch Thanh Thủy, Khu di tích lịch sử Đền Lãng Sương, Tượng đài Tu Vũ,...) Một số bài hát, thơ ca về quê hương, đất nước	01 bộ		
7	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Tranh ảnh, video liên quan đến nội dung bài học - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11	01 bộ		
8	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại, giấy A3 vẽ tranh bảo vệ môi trường. - Video liên quan đến vấn đề môi trường hiện nay - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11 - Video, hình ảnh giới thiệu các nhóm nghề cơ bản và xu hướng phát triển nghề nghiệp hiện nay	01 bộ		
9	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại - Video về một số nhóm nghề, yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nhóm nghề - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11	01 bộ		
10	- Thiết bị: Tivi, máy tính cá nhân, bút màu các loại -	01 bộ		

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	Sản phẩm của quê hương liên quan đến nội dung bài học - Tài liệu liên quan đến nội dung bài học; SGK, SGV TNHN 11			

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Lớp học	01	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	

II. Kế hoạch dạy học

1. Khung phân bố số tiết cho các nội dung dạy học

Cả năm 35 tuần = 105 tiết (Học kì I: 18 tuần – 54 tiết; Học kì II: 17 tuần – 51 tiết)

Học kì	Các chủ đề lớn (phần, chương...)	Lý thuyết	Bài tập/luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra giữa kì	Kiểm tra cuối kì	Khác	Tổng
Học kì I	Chủ đề 1: Xây dựng và phát triển nhà trường	9							9
Học kì I	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	12							12
Học kì I	Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân	18							18
Học kì I	Đánh giá giữa kỳ I					1			1
Học kì I	Chủ đề 4: Trách nhiệm với gia đình	9							9
Học kì I	Đánh giá cuối kỳ I						1		1
Học kì I	Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng	4							4
Tổng học kì I		52				1	1		54
Học kì II	Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng (tiếp)	5							5
Học kì II	Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	6							6
Học kì II	Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường	9							9
Học kì II	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II					1			1
Học kì II	Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị	12							12

Học kì	Các chủ đề lớn (phần, chương...)	Lý thuyết	Bài tập/luyện tập	Thực hành	Ôn tập	Kiểm tra giữa kì	Kiểm tra cuối kì	Khác	Tổng
	trường lao động								
Học kì II	Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn	11							11
Học kì II	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ II						1		1
Học kì II	Chủ đề 10: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn	6							6
Tổng học kì II		49				1	1		51
Cả năm		101				2	2		105

2. Bố trí thời lượng và yêu cầu cần đạt cho các chủ đề và nội dung thực hiện

STT	Bài học/nội dung thực hiện (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số phát triển	YCCĐ theo khung 3439 (giáo dục AI)
1	Chủ đề 1: Xây dựng và phát triển nhà trường	9	- Biết cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè. - Làm chủ và kiểm soát được các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội. - Hợp tác được với bạn để cùng xây dựng và thực hiện các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường. - Đánh giá được hiệu quả của hoạt động phát huy truyền thống nhà trường. - Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Phát triển năng lực chung: năng lực hợp tác, giao tiếp: xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy cô và bạn bè, hợp tác để xây dựng và phát triển nhà trường. Năng lực đặc thù: xây dựng và thực hiện kế hoạch: làm phiếu khảo sát, tổng hợp kết quả,... Năng lực thích ứng: thích ứng với sự đổi mới của xã hội. -- Giáo dục phẩm chất nhân ái: yêu thương, biết ơn thế hệ trước và những gì đang có; có trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát triển nhà trường. Chăm chỉ học tập, rèn luyện để trở thành học sinh gương mẫu. Trung thực trong mọi việc và trong cuộc sống.	2.5.NC1a	11.A1: Quy trình sử dụng AI an toàn: - HS xây dựng quy trình 4 bước dùng trợ lý AI miễn phí để gợi ý hoạt động phát huy truyền thống trường, đối chiếu từng gợi ý với nội quy nhà trường rồi mới đưa vào kế hoạch tổ.
2	Chủ đề 2: Khám phá bản thân	12	- Nhận diện được nét riêng và thể hiện được sự tự tin về đặc điểm riêng của bản thân. -Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và biết điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay	2.6.NC1b	11.C2: Một số ứng dụng AI trong học tập:

STT	Bài học/nội dung thực hiện (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số phát triển	YCCĐ theo khung 3439 (giáo dục AI)
			đổi. –Nhận diện được hứng thú, sở trường của bản thân và có kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai. - Phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống ngày càng phát triển: Công nghệ TT, IA; sự thay đổi môi trường sống, môi trường học tập,... Cách điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi; Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động: thiết kế, trình bày các sản phẩm giới thiệu bản thân, kế hoạch điều chỉnh bản thân, kế hoạch phát triển và định hướng nghề nghiệp,... - Các phẩm chất: tự tin, trách nhiệm, chăm chỉ: Tìm hiểu, trình bày bản kế hoạch,...		- HS nêu tính năng AI mong muốn để hỗ trợ phát triển sở trường của mình, thử một ứng dụng AI miễn phí rồi đối chiếu nhận định của AI với phiếu tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu.
3	Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân	18	- Tuân thủ kỉ luật, quy định của nhóm, lớp, tập thể trường, cộng đồng. - Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân; biết thu hút các bạn cùng phấn đấu thực hiện. - Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân; biết thu hút các bạn cùng phấn đấu thực hiện. - Quản lí được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong các tình huống khác nhau. -Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí. - Phát triển năng lực chung: năng lực giao tiếp (kỹ năng quản lý cảm xúc và ứng xử); Năng lực giải quyết vấn đề khi gặp phải trong cuộc sống, học tập Năng lực đặc thù: lập và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân: THÂN – TÂM – TRÍ và kế hoạch quản lý tài chính phù hợp (quy tắc 6 chiếc lọ của người thành công) - Các phẩm chất: tự tin, trách nhiệm, chăm chỉ	6.2.NC1c	11.B2: Phòng tránh rủi ro khi sử dụng AI: - HS nhận diện và phân loại rủi ro khi nhờ AI quản lí việc học, chi tiêu (lệ thuộc, số liệu sai, lộ dữ liệu), đối chiếu với nội quy nhà trường để nêu cách dùng an toàn.
4	Đánh giá giữa kỳ I	1	- Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua các chủ đề đã học Phẩm chất: trung thực		
5	Chủ đề 4: Chăm sóc gia đình	9	- Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc thường xuyên những người thân trong gia đình. - Biết cách hóa giải những mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong gia đình. - Thể hiện sự tự giác và trách nhiệm tham gia các hoạt động lao động khác nhau trong gia đình. - Thể hiện sự tự tin trong việc tổ chức, sắp xếp hợp lí công việc gia đình. - Lập được kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập trong gia đình và thực hiện được mục tiêu tiết kiệm tài chính trong gia đình. - Phát triển năng lực chung: năng lực giải quyết vấn đề: tham gia giải quyết các mâu thuẫn và xung đột trong gia đình; Năng lực đặc	1.3.NC1a	11.C3: Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể: - HS viết prompt nhờ AI gợi ý cách hoá giải một mâu thuẫn trong gia đình, chỉnh prompt cho rõ hoàn cảnh và đối chiếu gợi ý với thực tế gia đình mình trước khi áp dụng.

STT	Bài học/nội dung thực hiện (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số phát triển	YCCĐ theo khung 3439 (giáo dục AI)
			thù: lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu tài chính phù hợp trong gia đình, có kế hoạch gia tang dòng tiền - Các phẩm chất nhân ái (yêu thương, biết ơn những người trong gia đình), trách nhiệm với gia đình và chăm chỉ giúp đỡ các công việc cùng người thân trong gia đình.		
6	Đánh giá cuối kỳ I	1	- Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua các chủ đề đã học Phẩm chất: trung thực		
7	Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng	4	- XD và phát triển các MQH trong cộng đồng. Thể hiện được hành vi văn minh nơi công cộng. XD được KH tổ chức hoạt động . Đánh giá được ý nghĩa của HĐ phát triển cộng đồng. XD và thực hiện KH truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hoá mạng XH. - Phát triển năng lực chung: tự chủ, giao tiếp ứng xử, giải quyết vấn đề khi tham gia các hoạt động nơi công cộng, truyền thông. Năng lực đặc thù: lập – thực hiện và quản lý kế hoạch: tổ chức các hoạt động phát triển cộng đồng, kế hoạch truyền thông,... - Phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm thông qua các hoạt động	2.5.NC1b	11.A3: Quyền của người và dự án AI: - HS trình bày quyền được biết, được đồng ý, yêu cầu xoá dữ liệu của người dùng, đối chiếu với một ứng dụng AI quen thuộc để chỉ ra quyền nào chưa được bảo đảm rõ.
8	Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng (tiếp)	5	- XD và phát triển các MQH trong cộng đồng. Thể hiện được hành vi văn minh nơi công cộng. XD được KH tổ chức hoạt động . Đánh giá được ý nghĩa của HĐ phát triển cộng đồng. XD và thực hiện KH truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hoá mạng XH.	2.1.NC1a	11.A2: Bền vững và công bằng: - HS nêu ví dụ AI hỗ trợ hoạt động cộng đồng, phân tích yếu tố bền vững và công bằng của ví dụ đó rồi kiểm chứng lại bằng điều kiện thực tế của địa phương mình.
9	Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	6	- Nhận ra ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân. - Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện. Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương. - Phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động; quảng bá hình ảnh và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên,. - Các phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, trung thực.	3.1.NC1a	11.C3: Khám phá cách thức vận hành một số hệ thống AI: - HS mô tả cách một hệ thống AI nhận dạng ảnh phong cảnh hoạt động, thử gắn nhãn ảnh mình chụp rồi đối chiếu kết quả AI đưa ra với tên cảnh quan có trong tư liệu địa phương.
10	Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường	9	- Nghiên cứu, khảo sát thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương, tác động của sự phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi	1.3.NC1b	11.A2: Bền vững và công bằng: - HS nêu một ứng dụng AI giám sát

STT	Bài học/nội dung thực hiện (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số phát triển	YCCĐ theo khung 3439 (giáo dục AI)
			trường và báo cáo kết quả khảo sát. - Đưa ra được các kiến nghị về bảo vệ môi trường từ số liệu khảo sát. - Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên. - Phát triển năng lực chung: năng lực giao tiếp, hợp tác thông qua hoạt động nhóm; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (Vẽ trang bảo vệ môi trường) - Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường.		ô nhiễm, phân tích tính bền vững của giải pháp đó và đối chiếu số liệu AI dự báo với kết quả nhóm mình khảo sát được tại địa phương.
11	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ II	1	- Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua các chủ đề đã học Phẩm chất: trung thực		
12	Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động	12	- Phân loại các nhóm nghề cơ bản; chỉ ra đặc trưng, yêu cầu của từng nhóm nghề. - Sưu tầm được tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động. - Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực người lao động. - Giải thích được ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động. - Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự tin trong hoạt động nhóm, thực hiện kế hoạch và định hướng nghề nghiệp. - Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập và rèn luyện bản thân, và việc chọn nghề.	6.3.NC1a	11.C5: Kiến thức cơ bản về các thuật toán phân cụm và phân lớp: - HS trình bày ý tưởng thuật toán phân cụm qua việc xếp các nghề đã tra cứu thành nhóm theo đặc trưng chung, đối chiếu cách chia của mình với bảng phân loại nghề trong SGK.
13	Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn	11	- Đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề. - Đánh giá sự phù hợp hoặc không phù hợp về phẩm chất, năng lực của bản thân đối với nhóm nghề/nghề lựa chọn. - Đánh giá những khó khăn, thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn. - Đề xuất giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp. - Năng lực định hướng nghề nghiệp, tự học, giao tiếp, hợp tác. - Phẩm chất: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.	5.4.NC1a	11.D1: Thiết kế hệ thống AI: - HS vẽ sơ đồ mục tiêu - dữ liệu - thành phần của một hệ thống AI gợi ý nghề, chỉ ra dữ liệu nào về bản thân còn thiếu và đối chiếu gợi ý của AI với phiếu tự đánh giá.
14	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ II	1	- Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua các chủ đề đã học Phẩm chất: trung thực		
15	Chủ đề 10: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn	6	- – Trình bày được các thông tin cơ bản về các trường trung cấp, cao đẳng, đại học liên quan đến nhóm nghề/ nghề mà bản thân định lựa chọn. – Tham vấn được ý kiến của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến ngành, nghề lựa chọn. - Xác định được những trường đào	1.2.NC1b	11.D2: Vận hành và tối ưu hoá hệ thống AI: - HS trình bày cách một công cụ AI tư vấn ngành học vận hành, nêu

STT	Bài học/nội dung thực hiện (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số phát triển	YCCĐ theo khung 3439 (giáo dục AI)
			tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp của bản thân. - Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn. - Năng lực giao tiếp; năng lực đặc thù lập và thực hiện kế hoạch - Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm		cách tinh chỉnh yêu cầu cho sát nguyện vọng và kiểm chứng kết quả bằng đề án tuyển sinh chính thức đã tra.

*** CHÚ GIẢI CÁC MÃ NĂNG LỰC SỐ VÀ GIÁO DỤC AI ĐÃ TÍCH HỢP**

1) Mã năng lực số (theo Khung năng lực số – Thông tư 02/2025; mức THPT: NC1):

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
1.2.NC1b	1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số — Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. Phân tích, giải thích và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.	HS đối chiếu thông tin tuyển sinh giữa trang chính thức của trường và trang tin trung gian, đánh giá độ tin cậy rồi chọn nguồn dùng cho kế hoạch học tập.
1.3.NC1a	1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.	HS lập và phân loại bảng kế hoạch chi tiêu gia đình trên máy tính để tổ chức, lưu trữ và truy xuất lại số liệu khi báo cáo kết quả chủ đề.
1.3.NC1b	1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.	HS tổ chức số liệu khảo sát môi trường thành bảng có cấu trúc theo nhóm vấn đề và vẽ biểu đồ, làm căn cứ đưa ra kiến nghị bảo vệ môi trường.
2.1.NC1a	2.1. Tương tác thông qua công nghệ số — Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh nhất định.	HS sử dụng nhiều phương tiện số khác nhau để tương tác trong hoạt động cộng đồng: nhóm chat phân công, biểu mẫu trực tuyến khảo sát, bài trình chiếu báo cáo.
2.5.NC1a	2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa	HS áp dụng chuẩn mực hành vi khi tương tác trên mạng xã hội với thầy cô, bạn bè; rà soát và chỉnh lại lời lẽ bình luận trước khi đăng.

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
	và thể hệ trong môi trường số.	
2.5.NC1b	2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thể hệ trong môi trường số.	HS lựa chọn chiến lược giao tiếp phù hợp cho từng đối tượng khi tranh luận trên mạng về hoạt động cộng đồng và giải thích được lí do lựa chọn.
2.6.NC1b	2.6. Quản lý danh tính số — Tạo và quản lý được một hoặc nhiều danh tính số để bảo vệ danh tiếng của bản thân, làm việc với dữ liệu mà một người tạo ra bằng nhiều công cụ, môi trường và dịch vụ số.	HS áp dụng các cách bảo vệ danh tính trực tuyến: rà soát thông tin công khai trên trang cá nhân và thiết lập lại quyền riêng tư cho phù hợp hình ảnh bản thân.
3.1.NC1a	3.1 Phát triển nội dung số — Tạo và chỉnh sửa được nội dung số ở các định dạng khác nhau, nhằm thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số.	HS tạo và chỉnh sửa sản phẩm số quảng bá cảnh quan địa phương (ảnh chụp, poster, bài trình chiếu) rồi trình chiếu trên tivi lớp để lấy góp ý.
5.4.NC1a	5.4 Xác định các vấn đề cần cải thiện về NLS — Hiểu được NLS của chính mình cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. Có thể hỗ trợ người khác phát triển NLS của họ. Tìm kiếm được cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển số.	HS chứng minh được năng lực số của bản thân còn cần cải thiện ở đâu so với yêu cầu của nhóm nghề đã chọn và nêu cách khắc phục.
6.2.NC1c	6.2 Sử dụng trí tuệ nhân tạo — Sử dụng hiệu quả các hệ thống AI và hiểu rõ ứng dụng thực tế của chúng. Sử dụng được AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong công việc và cuộc sống hàng ngày.	HS nêu 3 tình huống nhờ AI làm hộ bài tập, tư vấn chỉ tiêu, đánh giá rủi ro đạo đức và pháp lí của mỗi tình huống, rồi thống nhất bộ nguyên tắc dùng AI trung thực của lớp.
6.3.NC1a	6.3 Đánh giá trí tuệ nhân tạo — Đánh giá và lọc được thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó. Đánh giá được AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động.	HS dùng AI tra cứu yêu cầu của 3 nhóm nghề, đối chiếu từng thông tin với tin tuyên dụng thật và trang chính thức, lập bảng chỉ rõ chi tiết nào AI nêu sai hoặc đã lỗi thời.

2) Mã giáo dục AI (theo Khung năng lực AI – QĐ 3439/QĐ-BGDĐT; nội dung Lớp 11):

Mã	Miền / Nội dung (khung)	Cách áp dụng cho GV – HS (ngôn ngữ đời thường)
11.A1	A1. Tính chủ động của con người — Quy trình sử dụng AI an toàn / AI để nâng cao năng lực	HS xây dựng quy trình sử dụng một sản phẩm AI cụ thể một cách thích hợp, giữ quyền kiểm soát của con người bằng bước đối chiếu với nội quy nhà trường.
11.A2	A2. AI vì sự tiến bộ của con người — Bền vững và công bằng	HS nêu ví dụ ứng dụng AI mang lại lợi ích xã hội lâu dài và phân tích yếu tố bền vững, công bằng của ứng dụng đó gắn với điều kiện thực tế địa phương.
11.A3	A3. Công dân trong kỉ nguyên AI — Quyền của người và dự án AI	HS trình bày các quyền cơ bản của người dùng dữ liệu và đánh giá mức độ bảo đảm các quyền đó ở một ứng dụng AI quen thuộc.
11.B2	B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Phòng tránh rủi ro khi sử dụng AI	HS nhận biết và phân loại các rủi ro, sự cố do AI gây ra có thể vi phạm quy định của nhà trường, từ đó nêu cách sử dụng AI an toàn.
11.B3	B3. Nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội — Đạo đức trong thiết kế AI	HS sơ đồ hoá các vấn đề đạo đức có thể phát sinh khi dùng AI trong hoạt động cộng đồng: thiên lệch khi chọn người hỗ trợ, thiếu minh bạch; đối chiếu với tình huống thật ở địa phương.
11.C2	C2. Ứng dụng AI trong học tập và cuộc sống — Một số ứng dụng AI trong học tập	HS trình bày cách AI hỗ trợ học tập và nêu tính năng AI mong muốn để phát triển sở trường, đối chiếu nhận định của AI với phiếu tự đánh giá bản thân.
11.C3	C3. Công nghệ AI — Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể / Khám phá cách thức vận hành một số hệ thống AI / Một số phương pháp, nhiệm vụ tùy chỉnh hệ thống AI	HS xác định prompt nâng cao từ yêu cầu cụ thể và mô tả cách thức vận hành của một số công nghệ AI, kiểm chứng kết quả bằng tư liệu thực tế.

Ghi chú: Mỗi bài học gắn 1 mã năng lực số + 1 mã giáo dục AI ở mức để thực hiện. Các tiết Ôn tập, Kiểm tra để trống theo đúng cách trình bày trong bảng mẫu của Bộ. Mã AI đều thuộc khung nội dung Lớp 11 của QĐ 3439/QĐ-BGDĐT.

3. Ôn tập, kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	Tuần 9	Giữa kỳ I	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 1, 2, 3 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ I	Tuần 16	Cuối kỳ I	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 4, 5 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ II	Tuần 25	Giữa kỳ II	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 6, 7,8 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ II	Tuần 32	Cuối kỳ II	- Đạt được mục tiêu của chủ đề 9,10,11 - Đánh giá kiến thức, năng lực phẩm chất đã học của HS	Viết trên giấy

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN LẬP KẾ HOẠCH
(Ký và ghi rõ họ tên)